

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 60/2024/HN-ST
Ngày: 15/8/2024
V/v “Tranh chấp ly hôn và quyền
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thu Thảo
- Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

-Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân thụ lý số: 81/2024/TLST-HN, ngày 19 tháng 01 năm 2024. Về việc “Tranh chấp về ly hôn và quyền nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-HN ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị P, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt –có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Anh Võ Thanh T, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt –có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị P trình bày: Chị với anh Võ Thanh T kết hôn do hai bên tự tìm hiểu, quen biết, được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2019, Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vợ chồng sống hạnh phúc được 01 thời gian đến giữa năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi. Vợ chồng đã sống ly thân với từ

cuối năm 2020 cho đến nay. Về con chung có hai người gồm cháu Võ Phương V, sinh ngày 28/01/2019 và Võ Lan V, sinh ngày 12/11/2020, hiện đang sống chung với chị P. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng chị.

Nay, về quan hệ hôn nhân: Chị P yêu cầu được ly hôn với anh Võ Thanh T, về con chung, chị P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ Phương V và Võ Lan V và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu pháp luật giải quyết. Về số nợ phải thu, phải chi: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Võ Thanh T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung anh T thống nhất với lời trình bày của chị P. Về nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ gia đình bên vợ nên vợ chồng mới bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ cuối năm 2020 cho nay.

Nay, về hôn nhân nếu chị P yêu cầu được ly hôn, anh Tùng đồng ý ly hôn, về con chung: anh Tùng đồng ý cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai người con nhưng anh không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ. Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

Về tố tụng:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị P, bị đơn anh Võ Thanh T có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về nội dung:** Về quan hệ hôn nhân: Chị Phương, anh Tùng đều trình bày thống nhất xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2019, Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 22/01/2019 đúng quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa chị P, anh T là hôn nhân hợp pháp.

[4]. *Xét về nguyên nhân mâu thuẫn:* Theo chị P trình bày do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, mỗi người đều bảo vệ cái tôi của mình, nên thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị không còn sống chung với

anh T từ cuối năm 2020 cho đến nay. Hiện tại, chị P xác định không còn tình cảm gì với anh T.

Anh T thì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ gia đình bên vợ nên vợ chồng mới bắt đầu quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay.

Nay, chị P xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau, anh T đồng ý ly hôn; điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị P, anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị P, anh T phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị Lê Thị P và anh Võ Thanh T được ly hôn.

[5]. *Về con chung*: có hai người gồm: cháu Võ Phương V, sinh ngày 28/01/2019 và cháu Võ Lan V, sinh ngày 12/11/2020, hiện đang sống chung với chị P. Sau khi ly hôn, chị P có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Anh T đồng ý cho chị P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con. Nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị P và anh T giao cho chị P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ Phương V và Võ Lan V sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh T, có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[6]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Lê Thị P chưa đặt ra đề yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7]. *Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị P, anh T không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị P có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 54, 55, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị P.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Lê Thị P được ly hôn với anh Võ Thanh T.

- *Về con chung*: chị Lê Thị P được quyền trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cháu Võ Phương V, sinh ngày 28/01/2019 và Võ Lan V, sinh ngày 12/11/2020.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị P chưa đặt ra yêu cầu để giải quyết nên không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002356, ngày 17/01/2024 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C thu, chị Phương đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Võ Thanh T không phải nộp án phí.

2. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Càng Long;
- Chi cục THADS;
- UBND xã;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Huỳnh Sa Rên